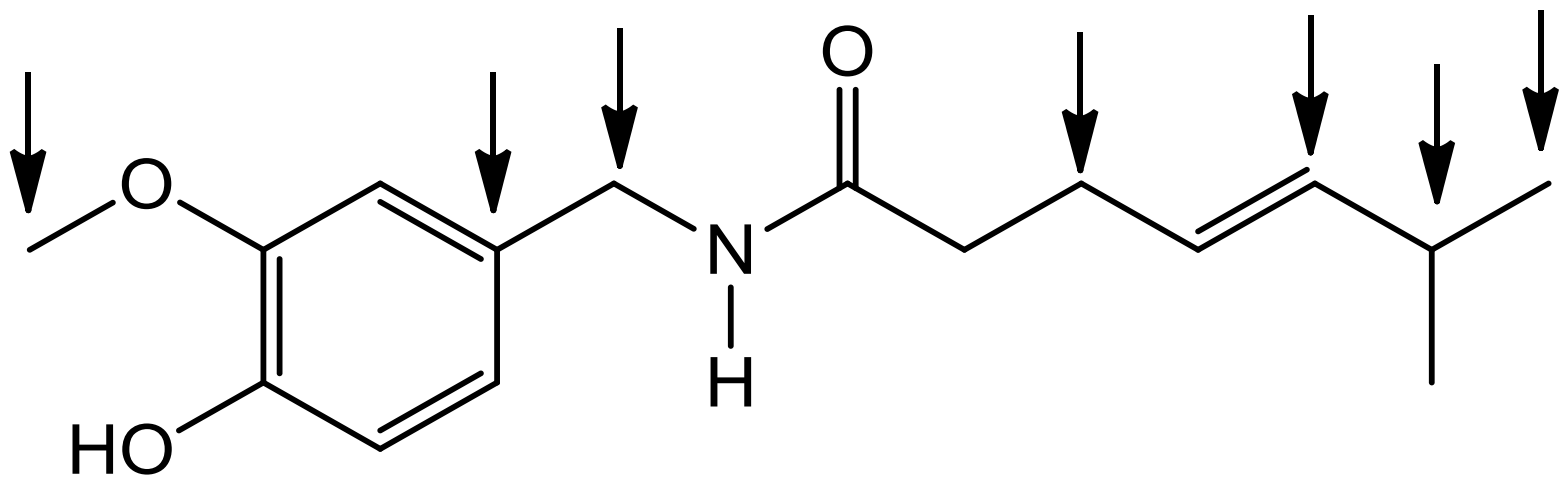


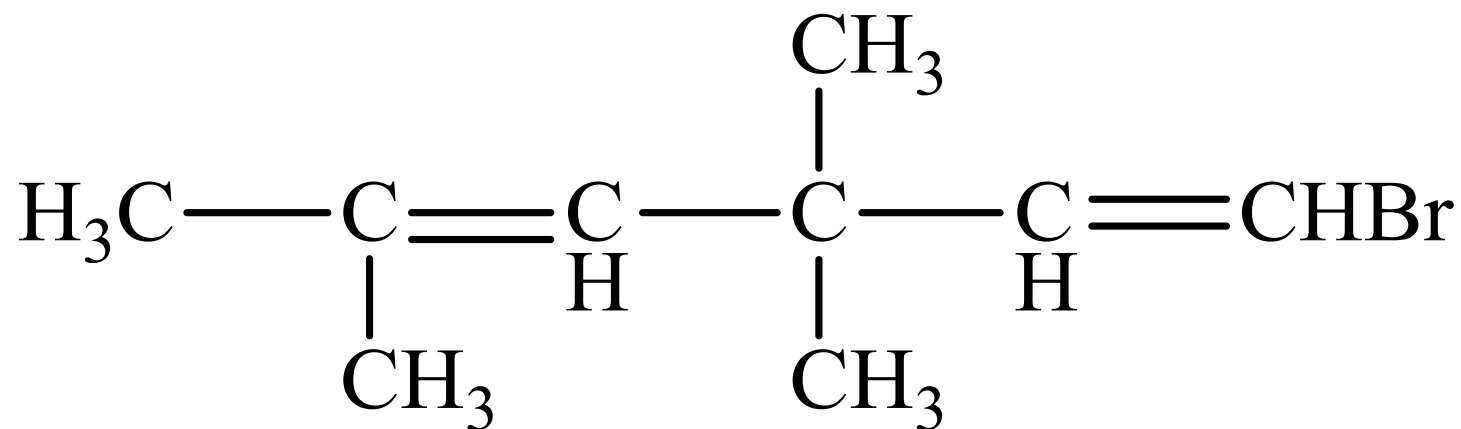
NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN HÓA HỮU CƠ

CHƯƠNG 1: ĐẠI CƯƠNG HHC

Gọi tên HHC: gọi các gốc, gọi tên IUPAC

Biểu diễn cấu tạo, cấu hình qua CT Kekule, CT chiếu Fisher





- A. 1-brom-3,5-trimethylhexa-1,4-dien.
- B. 3,3,5-trimethylhexa-1,4-dien-1-brom.
- C. 2,4,4-trimethylhexa-2,5-dien-6-brom.
- D. 1-brom-3,3,5-trimethylhexa-1,4-dien.

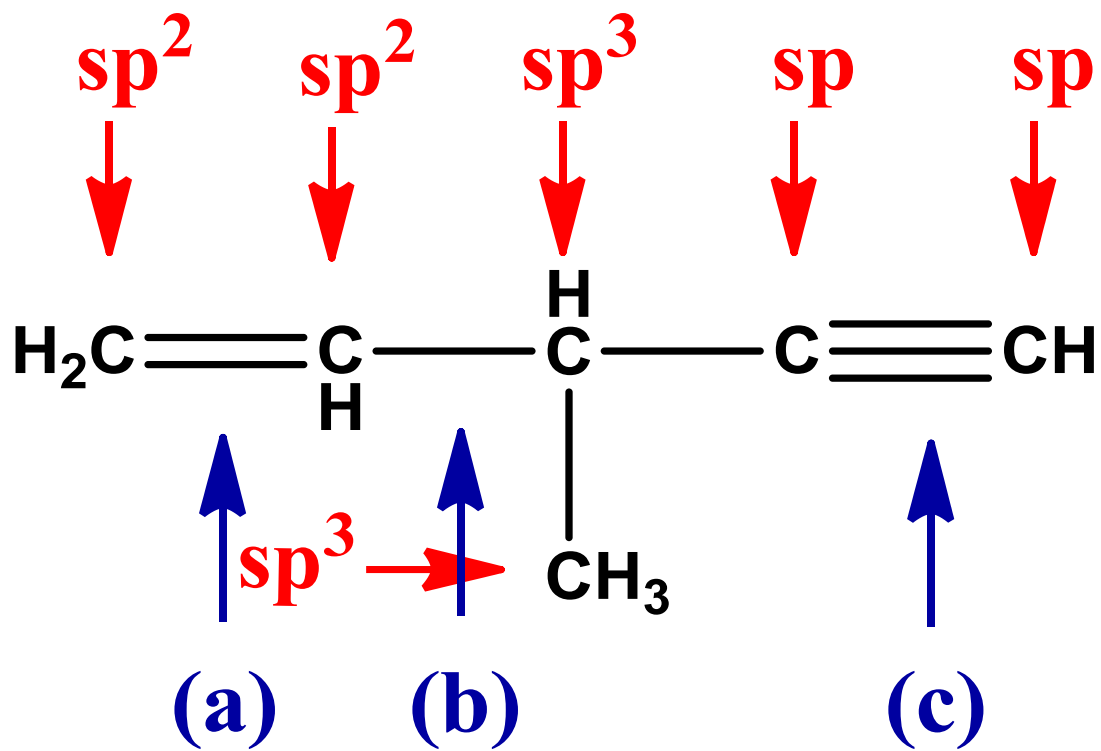
NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN HÓA HỮU CƠ

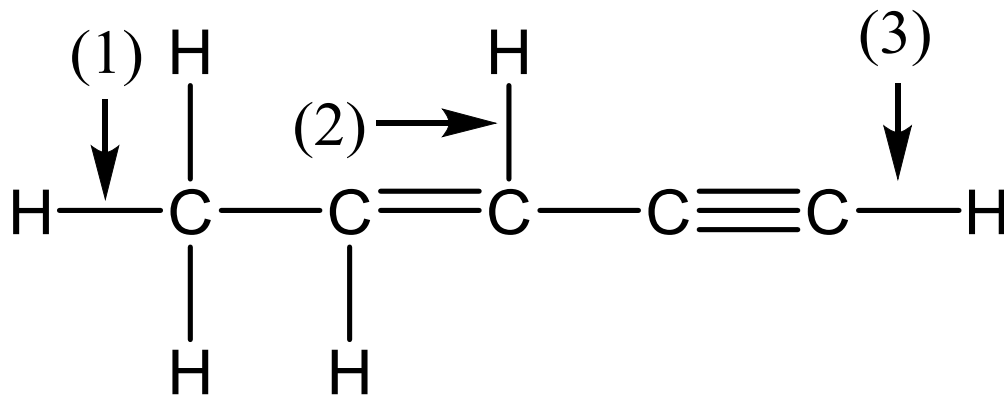
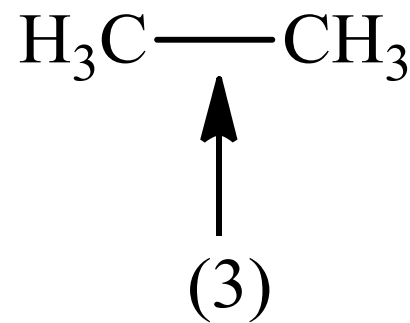
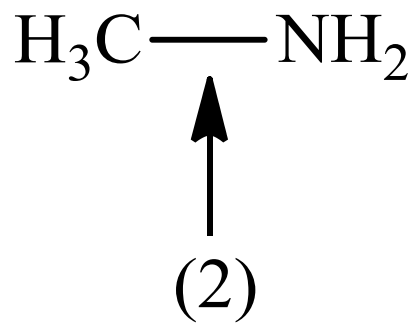
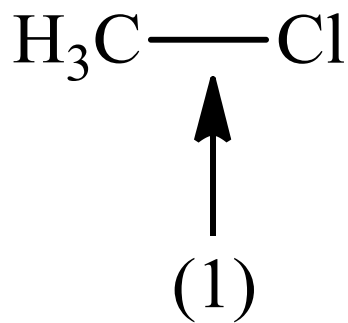
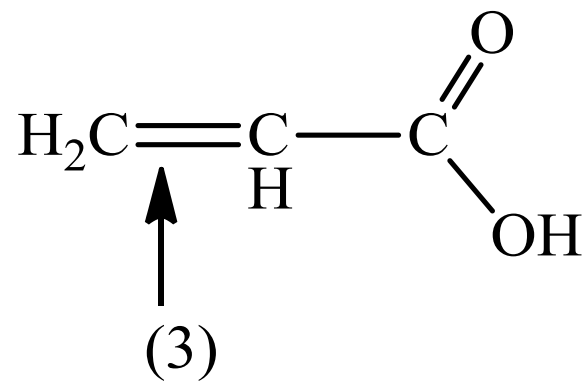
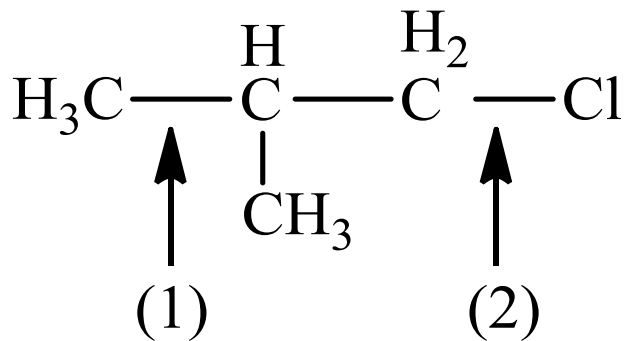
CHƯƠNG 2: SỰ LẠI HÓA CỦA CARBON

Trạng thái
lại hóa: xác
định TT lại
hóa của C

Độ dài liên
kết: Quy tắc
so sánh

Sự phân cực
của liên kết:
Nguyên nhân,
cách biểu
diễn





NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN HÓA HỮU CƠ

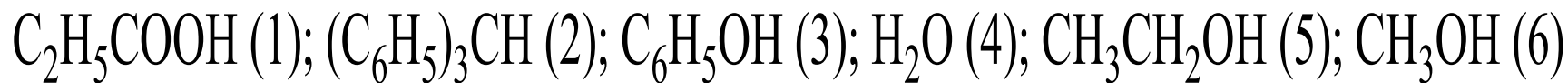
CHƯƠNG 3: HIỆU ỨNG ĐIỆN TỬ TRONG HÓA HỮU CƠ

Các loại hiệu ứng chính
($\pm I$; $\pm C$; $+H$)

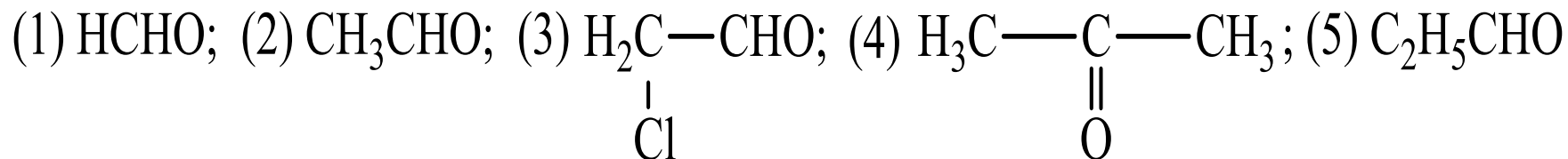
Ứng dụng hiệu ứng để giải thích tính chất axit-bazơ

Ứng dụng hiệu ứng để giải thích khả năng phản ứng

Dựa vào hiệu ứng, hãy sắp xếp lực axit của dãy hợp chất sau:



Dựa vào hiệu ứng, hãy sắp xếp khả năng phản ứng cộng ái nhân theo thứ tự giảm dần:



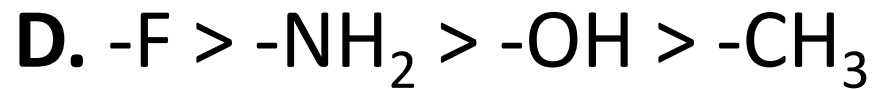
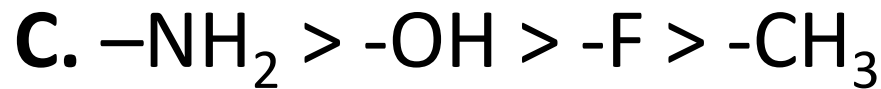
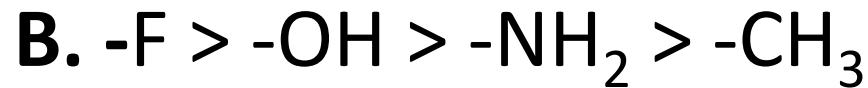
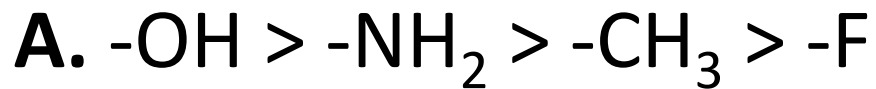
1. Ứng dụng hiệu ứng để giải thích tính axit-bazơ

1) $-\text{COOH} > \text{C}_6\text{H}_5 - \text{OH} > \text{H}_2\text{O} > \text{C} - \text{OH} (\text{ancol}) > \text{C} - \text{H}$

2) $-\text{I}, -\text{C}$: Tăng axit; $+\text{I}, +\text{C}$: Tăng bazơ

2. Ứng dụng hiệu ứng để giải thích khả năng phản ứng: S_N ; A_N

Thứ tự giảm dần hiệu ứng -I trong dãy -OH, -NH₂, -F, -CH₃ là:



Sắp xếp thứ tự giảm dần hiệu ứng +I của các nhóm sau

A. $(3) > (2) > (4) > (1)$

B. $(4) > (3) > (2) > (1)$

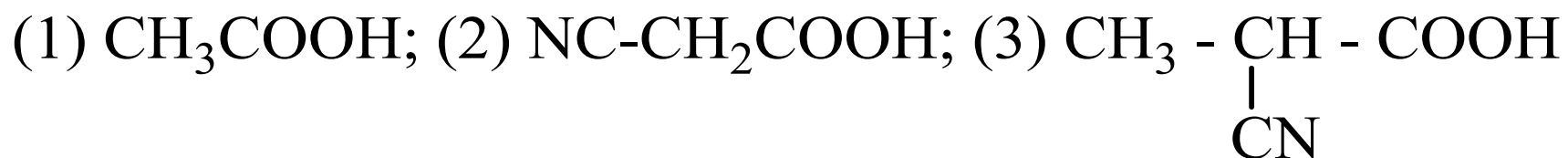
C. $(3) > (4) > (2) > (1)$

D. $(4) > (2) > (3) > (1)$

Phát biểu nào sau đây đúng?

- A.** Tính axit của hợp chất $X-CH_2COOH$ càng mạnh khi X mang hiệu ứng $-I$ càng mạnh.
- B.** Tính axit của Axit axetic (CH_3COOH) mạnh hơn Axit Xyanaxetic ($NC-CH_2COOH$).
- C.** Tính axit của hợp chất $X-CH_2COOH$ càng mạnh khi X mang hiệu ứng $+I$ càng mạnh.
- D.** Amoniac có tính bazơ mạnh hơn Metylamin

Sắp xếp các axit sau theo thứ tự giảm dần tính axit



A. $3 > 2 > 1$

B. $1 > 2 > 3$

C. $2 > 3 > 1$

D. $2 > 1 > 3$

NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN HÓA HỮU CƠ

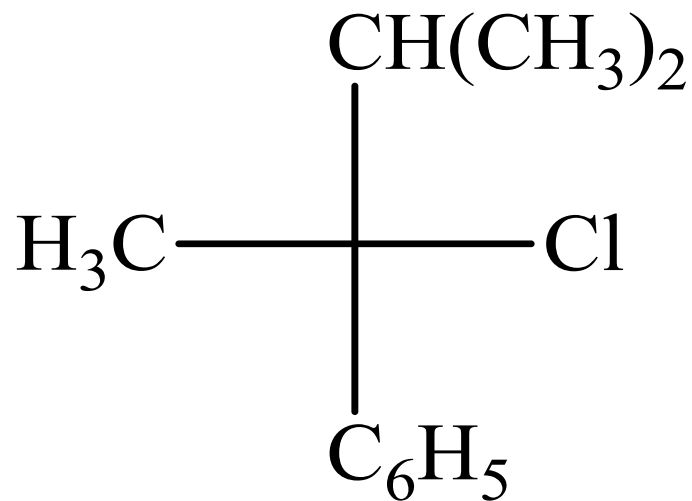
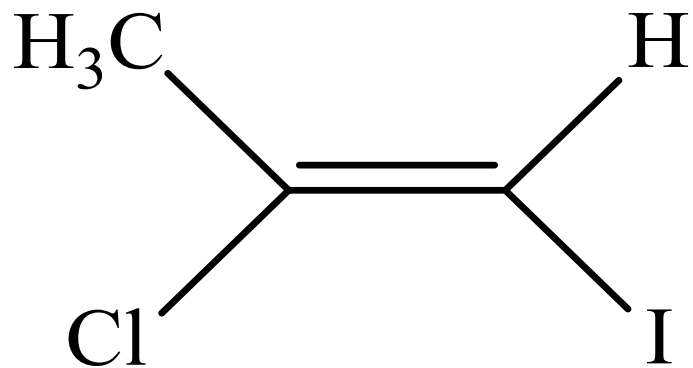
CHƯƠNG 4: ĐỒNG PHÂN VÀ CẤU DẠNG

Nguyên tắc
viết đúng và
đủ đồng
phân cấu tạo

Cấu hình
hình học:
Biểu diễn và
gọi tên cấu
hình

Cấu hình
quang học:
Biểu diễn và
gọi tên cấu
hình (S,R)

IV. Xác định cấu hình (E, Z hoặc R, S) của các chất sau:



NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN HÓA HỮU CƠ

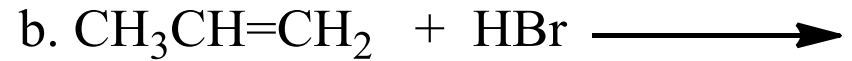
CHƯƠNG 5: PHẢN ỨNG HỮU CƠ

Cơ chế phản
ứng: S_N ; S_E ;
 S_R ; A_E ; A_N ...

Dấu hiệu cơ
bản nhận
định cơ chế

Áp dụng cơ
chế chung
vào các
phản ứng cụ
thể

Xác định cơ chế và cho biết sản phẩm chính các phản ứng sau:



DẤU HIỆU CƠ BẢN NHẬN RA CƠ CHẾ MỘT PHẢN ỨNG HỮU CƠ

1. anken, ankyn (có $C=C$ hay $C\equiv C$): phản ứng đặc trưng là A_E
2. Hợp chất cacbonyl ($>C=O$): Phản ứng đặc trưng là A_N
3. Ankan hoặc C no chỉ có liên kết C-H: phản ứng đặc trưng là S_R
4. Aren: phản ứng đặc trưng là S_E
5. Hợp chất có liên kết $C_{no} \rightarrow -X$: pư đặc trưng S_N

NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN HÓA HỮU CƠ

PHẦN II:

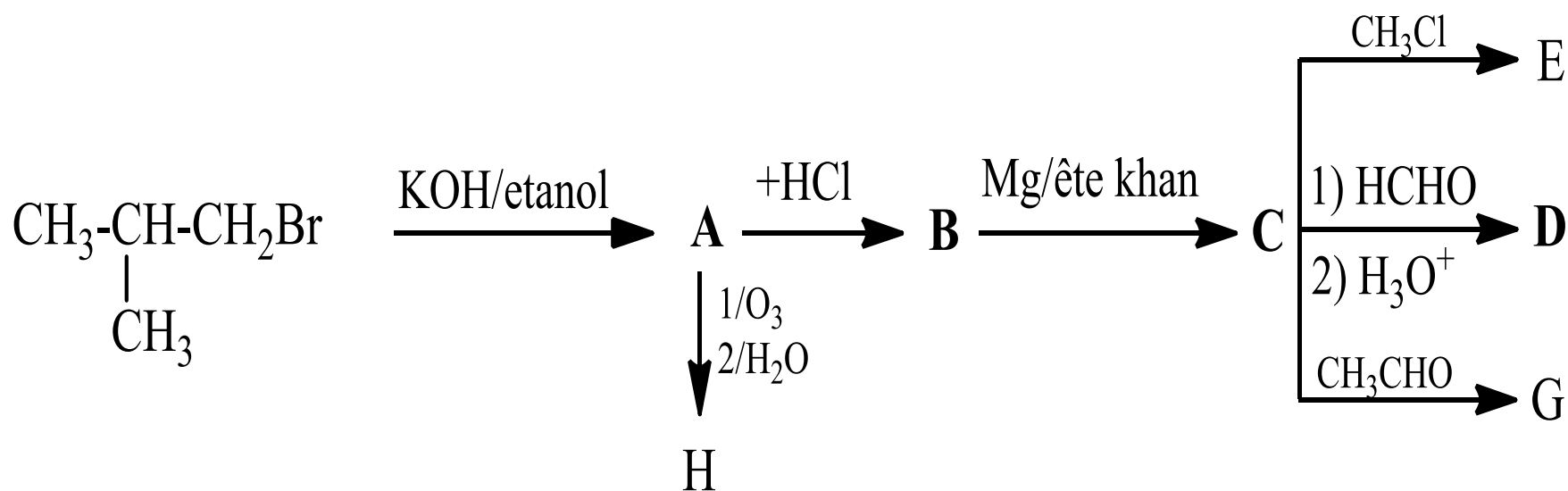
CÁC HỢP CHẤT HỮU CƠ CƠ BẢN (CHƯƠNG 6 – 12)

Tính chất hóa học và phương pháp điều chế các hợp chất để:

- * Hoàn thành chuỗi phản ứng
- * Lập sơ đồ chuyển hóa
- * Xác định CTCT của hợp chất theo các dữ kiện thực nghiệm

BÀI TẬP

I. Hoàn thành chuỗi phản ứng sau, gọi tên các chất A, B, C:



BÀI TOÁN XÁC ĐỊNH CẤU TRÚC:

1. Xác định công thức cấu tạo và Viết phương trình phản ứng trong các trường hợp:

Chất A (C_5H_{10}) mạch hở, ozon phân và thủy phân A thu được hỗn hợp sản phẩm gồm:

a. Axeton và Axetandehyt.

b. Các andehyt trong đó có formandehyt

2. Chất B (C_4H_8) mạch hở, khi oxi hóa bằng $KMnO_4$ trong mt kiềm thu được 1 ancol đa chức có nhóm OH bậc 3